

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 – 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 từ trang 5 đến trang 26.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003011 ngày 31/12/2004 (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 được thay đổi lần thứ 11 ngày 31/12/2009) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 80.000.000.000 đồng

<b>Chủ sở hữu</b>	<b>Theo đăng ký kinh doanh</b>		<b>Đơn vị tính: VND</b>
	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Đã góp đến</b>
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>12/31/2009</b>
			<b>VND</b>
- Công ty TNHH Thép Vinh Đa	13.808.640.000	17%	13.808.640.000
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	23.284.940.000	29%	23.284.940.000
- Các cổ đông khác	42.906.420.000	54%	42.906.420.000
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>

### **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, “tour cyclo”;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (mô tô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng; Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà, bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất, phụ gia, thực phẩm, vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi; San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tạo mẫu; Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn – tấm, sắt thép bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu; Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại; Môi giới hàng hải; Đại lý tàu biển; Đại lý bán vé tàu hỏa; Kinh doanh kho bãi; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)**

- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu, bia, nước giải khát, sữa, đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, kim khí, da giày;
- In trên bao bì;
- Tư vấn du học;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2009 và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Hữu Thọ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đinh Quang Hiền	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Kim Trung	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên Hội đồng quản trị

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đinh Quang Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nghĩa	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Tuấn Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Dương Hồng Minh	Trưởng ban kiểm soát

#### **Kế toán trưởng**

Bà Huỳnh Thanh Diễm Trang

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 được trình bày lên báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY - Thành viên của Hãng UHY Quốc tế.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, và các qui định pháp lý hiện hành tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và, vì vậy, thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc;**



**Đình Quang Hiến**  
**Tổng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2010*



Số: 89 /2010/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009  
của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 5 đến trang 26 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 1 đến 3, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**Phạm Gia Đạt**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV  
*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY LTD)**  
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2010

**Tô Thị Thanh Nga**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1183/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>57.872.254.801</b>	<b>30.960.027.976</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>23.426.768.426</b>	<b>5.508.629.258</b>
1. Tiền	111		4.026.768.426	4.508.629.258
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.400.000.000	1.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>500.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29.907.456.633</b>	<b>20.700.234.268</b>
1. Phải thu khách hàng	131		13.422.286.802	3.894.807.209
2. Trả trước cho người bán	132		3.004.610.689	2.114.096.963
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	13.480.559.142	14.691.330.096
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.071.465.233</b>	<b>632.111.025</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.02	1.071.465.233	632.111.025
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.466.564.509</b>	<b>3.619.053.425</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	807.521.666	1.465.239.481
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		537.817.288	15.703.344
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	19.448.580	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	2.101.776.975	2.138.110.600
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>82.608.892.959</b>	<b>73.470.051.865</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>73.130.039.673</b>	<b>69.563.142.015</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	59.168.130.583	69.563.142.015
- Nguyên giá	222		73.508.900.836	101.919.785.225
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.340.770.253)	(32.356.643.210)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	13.750.000.000	-
- Nguyên giá	228		13.750.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	211.909.090	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.237.163.112</b>	<b>2.737.163.112</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	500.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	2.657.147.112
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	6.737.163.112	80.016.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.241.690.174</b>	<b>1.169.746.738</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	440.236.900	868.293.464
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	1.801.453.274	301.453.274
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>140.481.147.760</b>	<b>104.430.079.841</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>49.210.009.178</b>	<b>49.184.855.304</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.643.412.868</b>	<b>47.405.207.954</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	7.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		52.680.999	-
3. Người mua trả tiền trước	313		2.022.609.165	162.058.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	1.482.681.832	880.727.429
5. Phải trả người lao động	315		1.402.411.762	1.242.407.272
6. Chi phí phải trả	316	V.16	1.849.587.864	83.420.960
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	3.833.441.246	45.036.594.293
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>31.566.596.310</b>	<b>1.779.647.350</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	2.308.109.350	1.779.647.350
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	29.258.486.960	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>91.271.138.582</b>	<b>55.245.224.537</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>91.271.138.582</b>	<b>55.404.458.987</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	40.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(39.567.071)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.178.753	3.118.258.069
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.258.526.900	12.286.200.918
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>(159.234.450)</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	(159.234.450)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>140.481.147.760</b>	<b>104.430.079.841</b>



**Đình Quang Hiền**  
**Tổng Giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2010

**Huỳnh Thanh Diễm Trang**  
**Kế toán trưởng**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>80.985.414.133</b>	<b>84.217.432.753</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.01	472.760	13.600.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	80.984.941.373	84.203.832.753
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.02</b>	<b>63.559.096.234</b>	<b>73.161.235.463</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp</b>	<b>20</b>		<b>17.425.845.139</b>	<b>11.042.597.290</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.210.832.404	2.846.061.713
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	613.970.151	340.577.003
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		613.970.151	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.615.486.595	6.449.719.806
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.407.220.797</b>	<b>7.098.362.194</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.5	47.087.078.874	7.351.664.447
12. Chi phí khác	32	VI.6	42.595.513.512	798.692.289
13. Lợi nhuận khác	40		4.491.565.362	6.552.972.158
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>9.898.786.159</b>	<b>13.651.334.352</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	2.008.681.580	1.365.133.435
<b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>7.890.104.579</b>	<b>12.286.200.917</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.8</b>	<b>1.236</b>	<b>3.072</b>



Đình Quang Hiền

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2010

Huỳnh Thanh Diễm Trang

Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		9.898.786.159	13.651.334.352
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	2		2.329.645.062	7.609.045.639
- Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	(18.136.103)
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(1.791.667.833)	(2.829.550.321)
- Chi phí lãi vay	6		613.970.151	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>11.050.733.539</b>	<b>18.412.693.567</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(9.712.451.264)	(2.043.540.863)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(439.354.208)	279.503.030
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(5.106.523.408)	(2.585.050.079)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.085.774.379	167.215.976
- Tiền lãi vay đã trả	13		(613.970.151)	-
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.390.101.884)	(835.337.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		528.462.000	4.513.299.366
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.572.940.762)	(5.372.838.816)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.170.371.759)</b>	<b>12.535.945.181</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.896.542.720)	(18.216.758.120)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.314.250.525	795.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)	(2.657.147.112)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		477.417.308	2.827.892.610
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.604.874.887)</b>	<b>(17.251.012.622)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		107.350.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		36.258.486.960	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(4.820.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.634.628.982)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>29.731.207.978</b>	<b>(4.820.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>17.955.961.332</b>	<b>(9.535.067.441)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>5.508.629.258</b>	<b>15.025.560.596</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(37.822.164)	18.136.103
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>23.426.768.426</b>	<b>5.508.629.258</b>



**Đình Quang Hiến**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2010

**Huỳnh Thanh Diễm Trang**  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003011 ngày 31/12/2004 (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 11 số 0303609986 ngày 31/12/2009) của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 80.000.000.000 đồng

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 12/31/2009 VND
	Vốn điều lệ	Tỷ lệ	
	VND	%	VND
- Công ty TNHH Thép Vinh Đa	13.808.640.000	17%	13.808.640.000
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	23.284.940.000	29%	23.284.940.000
- Các cổ đông khác	42.906.420.000	54%	42.906.420.000
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>

Đơn vị tính: VND

**HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh du lịchữ hành nội địa và quốc tế, “tour cyclo”;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (mô tô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng; Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà, bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất, phụ gia, thực phẩm, vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi; San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tạo mẫu; Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn – tấm, sắt thép bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu; Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại; Môi giới hàng hải; Đại lý tàu biển; Đại lý bán vé tàu hỏa; Kinh doanh kho bãi; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)**

- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu, bia, nước giải khát, sữa, đường, sản phẩm từ bơ sữa, phô mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, kim khí, da giấy;
- In trên bao bì;
- Tư vấn du học;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng chính thức trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư được ghi nhận theo phương pháp giá gốc:

**2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU****1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (TIẾP)****3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2009, Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, số dư các khoản mục tiền tệ, các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm mà để số dư trên báo cáo tài chính (khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán), đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại các khoản công nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Trường hợp việc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại công nợ phải trả dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ dẫn đến việc kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

**4. Trích lập dự phòng**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (TIẾP)****6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng thiết bị, chi phí thuê nhà, văn phòng, chi phí in ấn, chi phí bảo hiểm xe, chi phí sửa chữa, chi phí trang phục phân bổ trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu chi phí in ấn, chi phí lập qui hoạch dự án du lịch, đồ dùng thiết bị văn phòng phân bổ trong vòng 2 năm, chi phí công tác phí nước ngoài chưa phát sinh doanh thu tương ứng do đó chưa phân bổ vào chi phí trong kỳ.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số năm sử dụng (năm)</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 33
- Máy móc, thiết bị	05 - 24
- Phương tiện vận tải	06 - 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 09

**8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ 106/781 Nguyễn Kiệm, phường 3, Quận Gò Vấp, Tp.HCM theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1269/SXD ngày 08/09/2003. Theo chế độ tài chính hiện hành tại Việt Nam, giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được trích khấu hao.

**9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi có bằng chứng về việc giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư thấp hơn giá gốc của chúng.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữ giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (TIẾP)****10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ, bao gồm: chi phí lãi vay phải trả, chi phí đào tạo lái xe, chi phí dịch vụ lữ hành, chi phí hoa hồng thuê xe du lịch, chi phí khai thác dịch vụ du lịch, các chi phí phải trả khác.

**12. Ghi nhận doanh thu, chi phí**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự chuyển giao hàng hóa và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Riêng đối với doanh thu dịch vụ Lữ hành, doanh thu sẽ được ghi nhận khi hoàn thành chuyến và hướng dẫn viên chuyển toàn bộ chứng từ thanh toán về cho bộ phận kế toán.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở trích trước, theo số dư còn lại và lãi suất có thể áp dụng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**13. Các bên liên quan**

Một bên được xem là có liên quan với Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoặc động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU (TIẾP)****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định lợi nhuận chịu thuế cũng như chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan tổ chức có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng bảy năm kể từ năm 2007 và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo được qui định trong công văn 227/CT-TTHT ngày 08 tháng 01 năm 2008 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
- Tiền mặt	1.387.298.500	1.015.500.000
- Tiền gửi ngân hàng	2.639.469.926	3.493.129.258
- Các khoản tương đương tiền (*)	19.400.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.426.768.426</b>	<b>5.508.629.258</b>

(\*) Chi tiết các khoản tương đương tiền:

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại:		
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam	10.000.000.000	-
+ Ngân hàng Sài gòn Thương Tín	4.400.000.000	-
- Khoản cho Công ty TNHH TMV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân vay	5.000.000.000	-
- Khoản ký quỹ xuất khẩu lao động tại ngân hàng Vietcombank.	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.400.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

**2. Hàng tồn kho**

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
- Nguyên liệu, vật liệu	433.553.622	559.378.781
- Công cụ, dụng cụ	29.422.345	27.767.845
- Hàng hoá	608.489.266	44.964.399
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho (*)</b>	<b>1.071.465.233</b>	<b>632.111.025</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2009, khoản vật tư chậm luân chuyển của Công ty giá trị 191.649.660 đồng chưa được đánh giá lại và xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo qui định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**3. Các khoản phải thu khác**

	<b>Tại 31/12/2009</b>	<b>Tại 01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty TNHH Thép Vinh Đa (*)	10.433.465.270	12.497.964.329
- Công ty CP KD và PTN An Nghiệp Phát (**)	1.887.774.060	-
- Cổ tức năm 2007 đã chia	-	1.066.079.315
- CN Công ty CP VC Sài Gòn Tourist tại HN	143.521.595	24.032.030
- Phải thu của các cá nhân đi XKLĐ	146.000.000	-
- BHXH, BHYT, BHTN phải thu của tài xế taxi	145.654.240	101.522.949
- BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	36.096.107	-
- Phải thu cho vay hỗ trợ mua xe	306.190.001	727.768.335
- Pacific Airline	47.907.570	47.665.623
- Trích trước lãi tiền gửi ngân hàng	101.500.000	-
- Phải thu khác	232.450.299	226.297.515
<b>Cộng</b>	<b>13.480.559.142</b>	<b>14.691.330.096</b>

(\*) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH Thép Vinh Đa liên quan đến khoản tiền hỗ trợ, đền bù thiệt hại cho việc di dời khỏi địa điểm 99C Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh; lãi cho vay quá hạn; khoản chi phí quyền sử dụng đất còn lại, chi phí tiền thuê đất, chi phí điện nước tại địa điểm 99C Phở Quang và chi phí khảo sát, quy hoạch mặt bằng xây dựng, lập dự án đầu tư thiết kế kỹ thuật công trình với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thủ Thiêm mà Công ty đã trả hộ Công ty TNHH Thép Vinh Đa để thực hiện dự án xây dựng khu căn hộ và văn phòng cho thuê theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Thép Vinh Đa.

(\*\*) Đây là khoản phải thu để bù đắp chi phí đầu tư ban đầu vào dự án “ Khu du lịch – Dân cư Bắc và Nam bãi Trường tỉnh Kiên Giang” theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 56/HĐHTĐT-2009 ngày 26/05/2009 với Công ty An Nghiệp Phát.

**4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện trên Báo cáo tài chính vào ngày 31/12/2009 chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng thiết bị, chi phí thuê nhà, văn phòng, chi phí bảo hiểm xe, chi phí trang phục, chi phí sửa chữa, in ấn.

**5. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước**

Đây là khoản thuế thu nhập cá nhân Công ty nộp thừa.

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Tại 31/12/2009</b>	<b>Tại 01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tạm ứng	1.771.453.575	1.927.307.200
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	330.323.400	210.803.400
<b>Cộng</b>	<b>2.101.776.975</b>	<b>2.138.110.600</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ 106/781 Nguyễn Kiệm, phường 3, Quận Gò Vấp, Tp.HCM theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1269/SXD ngày 08/09/2003.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ các chi phí liên quan đến hạng mục thiết kế bản vẽ thi công phần kiến trúc, kết cấu, hệ thống cấp điện – chiếu sáng, hệ thống chống sét, hệ thống cấp – thoát nước, hệ thống thông tin, hệ thống PCCC, hệ thống điều hòa của dự án: “Trường Đào Tạo Lái Xe và Đào Tạo Nghề tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, phường 03, Quận Gò Vấp – Tp. HCM theo hợp đồng số 10/09/HĐKT-TAMNHIN.

**9. Đầu tư vào công ty con**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Bảo vệ Long Vân. Vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng. Khoản đầu tư này được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Tỷ lệ đã đầu tư chiếm 25% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31/12/2009 Công ty mới đi vào hoạt động nên chưa lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009.

**10. Đầu tư dài hạn khác**

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư Giải trí Phước Sang (*)	2.177.147.112	-
- Công ty CP Du lịch Sài Gòn Sovico (**)	480.000.000	-
- Công ty TNHH Thép Vinh Đa (***)	4.000.000.000	-
- Tập đoàn Radius (****)	80.016.000	80.016.000
	<b>6.737.163.112</b>	<b>80.016.000</b>

(\*) Đây là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh để đầu tư một trung tâm giải trí dịch vụ văn hóa, văn phòng, phòng trưng bày sản phẩm và khu Nhà hàng tại địa điểm 11C Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/HĐHT/STC-PS ngày 07/04/2008 giữa Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist và Công ty Cổ phần Đầu tư Giải trí Phước Sang.

(\*\*) Đây là khoản góp vốn đầu tư theo tiến độ cam kết vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Sovico, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008574, với tỷ lệ góp vốn cam kết của Công ty là 15% trong tổng vốn điều lệ là 16.000.000.000 đồng.

(\*\*\*) Đây là khoản cho công ty TNHH Thép Vinh Đa vay.

(\*\*\*\*) Đây là khoản tiền mua 1 cổ phiếu để trở thành Cổ đông của Tập đoàn Radius – The Global Travel company. Mệnh giá 1 cổ phiếu là 5000 USD.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện trên Báo cáo tài chính vào ngày 31/12/2009 chủ yếu bao gồm tiền in các ấn phẩm quảng cáo công ty, giá trị còn lại của công cụ dụng cụ được sử dụng và có tác dụng dài hạn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐHH</b>						
Tại ngày 01/01/2009	20.250.714.025	429.798.127	80.781.675.642	457.597.431	-	101.919.785.225
- Mua trong năm	-	30.525.000	44.737.791.036	174.838.612	-	44.943.154.648
- Tặng khác	-	-	-	-	7.406.500.000	7.406.500.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(59.573.514.037)	-	-	(59.573.514.037)
- Giảm khác	(13.750.000.000)	(30.525.000)	-	-	(7.406.500.000)	(21.187.025.000)
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>6.500.714.025</b>	<b>429.798.127</b>	<b>65.945.952.641</b>	<b>632.436.043</b>	<b>-</b>	<b>73.508.900.836</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2009	3.546.897.075	388.037.235	28.102.768.578	318.940.322	-	32.356.643.210
- Khấu hao trong năm	8.567.016	35.366.741	2.237.391.274	48.320.031	-	2.329.645.062
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(20.299.684.687)	-	-	(20.299.684.687)
- Giảm khác	(45.833.332)	-	-	-	-	(45.833.332)
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>3.509.630.759</b>	<b>423.403.976</b>	<b>10.040.475.165</b>	<b>367.260.353</b>	<b>-</b>	<b>14.340.770.253</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐHH</b>						
Tại ngày 01/01/2009	16.703.816.950	41.760.892	52.678.907.064	138.657.109	-	69.563.142.015
Tại ngày 31/12/2009	2.991.083.266	6.394.151	55.905.477.476	265.175.690	-	59.168.130.583

\* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

44.737.791.036 VND

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

102.281.267 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****13. Tài sản dài hạn khác**

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
- Ký quỹ xuất khẩu lao động	1.000.100.000	100.000
- Ký quỹ lưu hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
- Ký quỹ lưu hành nội địa	51.353.274	51.353.274
- Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.801.453.274</b>	<b>301.453.274</b>

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

Đây là khoản vay ngắn hạn theo hình thức tín chấp với Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn theo Hợp đồng vay số 372/TCT-KT ngày 01/06/2009 kèm phụ lục vay số 1 ngày 09/09/2009. Lãi vay là 0,67%/tháng. Ngày đáo hạn là 31/03/2010. Mục đích vay là đầu tư mua phương tiện vận chuyển.

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
- Thuế GTGT	47.619	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.429.155.887	810.576.191
- Thuế thu nhập cá nhân	5.269.037	70.151.238
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	48.209.289	-
<b>Cộng</b>	<b>1.482.681.832</b>	<b>880.727.429</b>

**16. Chi phí phải trả**

	Tại 31/12/2009	Tại 01/01/2009
	VND	VND
- Lãi vay phải trả Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	328.300.000	-
- Lệ phí trước bạ và chi phí liên quan mua 33 xe Vios mới	760.249.900	-
- Chi phí đào tạo lái xe	360.855.004	-
- Chi phí dịch vụ Lưu hành	127.548.260	-
- Chi phí hoa hồng thuê xe du lịch	71.712.260	-
- Chi phí khai thác dịch vụ du lịch	65.834.227	-
- Chi phí khác	135.088.213	83.420.960
<b>Cộng</b>	<b>1.849.587.864</b>	<b>83.420.960</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn**

	Tại 31/12/2009 VND	Tại 01/01/2009 VND
- Kinh phí công đoàn	67.048.340	28.382.509
- Phải trả về cổ phần hoá	139.300.000	139.300.000
- Doanh thu chưa thực hiện	74.552.794	2.743.321.026
- Cổ tức năm 2008 chưa chi	3.225.772.750	413.640.012
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	326.767.362	41.711.950.746
<b>Cộng</b>	<b>3.833.441.246</b>	<b>45.036.594.293</b>

**18. Phải trả dài hạn khác**

Các khoản phải trả dài hạn khác chủ yếu là khoản nhận ký cược, ký quỹ của tài xế lái xe khi nhận xe của Công ty để làm việc.

**19. Vay và nợ dài hạn**

Đây là khoản vay theo Hợp đồng vay tín dụng số 09.111001/HĐTD-TDH ngày 02/10/2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung số 09.111001/VSSĐBŞHĐTD-01 ngày 05/12/2009 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh. Mục đích vay đầu tư mua 100 xe Toyota Vios 1,5E để phục vụ kinh doanh dịch vụ vận chuyển taxi. Tài sản thế chấp gồm: tài sản hình thành từ hợp đồng vay và một phần giá trị lô đất tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp (bao gồm quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1269/SXD do Sở Xây dựng TP.HCM cấp ngày 08/09/2009)

**20. Vốn chủ sở hữu**

**20.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng), chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tình hình góp vốn của các cổ đông tại ngày 31/12/2009 như sau:

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 12/31/2009 VND
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %	
- Công ty TNHH Thép Vinh Đa	13.808.640.000	17%	13.808.640.000
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	23.284.940.000	29%	23.284.940.000
- Các cổ đông khác	42.906.420.000	54%	42.906.420.000
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**20. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	40.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	40.000.000.000

**20.3 Cổ tức**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	4.912.842.895

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa công bố về tỷ lệ chia cổ tức.

**20.4 Cổ phiếu**

	Tại 31/12/2009 Cổ phiếu	Tại 01/01/2009 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	8.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	8.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	8.000.000	4.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	4.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	8.000.000	4.000.000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu:</i>	10.000 VND	10.000 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**20.5 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>40.000.000.000</b>	-	<b>2.561.907.340</b>	<b>260.508.742</b>	<b>5.963.648.348</b>	<b>48.786.064.430</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	12.286.200.917	12.286.200.917
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	556.350.729	-	(556.350.729)	-
- Trích quỹ khen thưởng năm trước	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
- Chia cổ tức năm 2007	-	-	-	-	(4.912.842.895)	(4.912.842.895)
- Thù lao HĐQT, BKS năm trước	-	-	-	-	(194.454.723)	(194.454.723)
- Giảm khác	-	-	-	(260.508.742)	-	(260.508.742)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>40.000.000.000</b>	-	<b>3.118.258.069</b>	-	<b>12.286.200.918</b>	<b>55.404.458.987</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>40.000.000.000</b>	-	<b>3.118.258.069</b>	-	<b>12.286.200.918</b>	<b>55.404.458.987</b>
- Tăng vốn trong năm nay	40.000.000.000	-	-	-	-	40.000.000.000
- Cổ tức đã chia năm 2007 (*)	-	-	(1.066.079.316)	-	-	(1.066.079.316)
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	7.890.104.579	7.890.104.579
- Trích cổ tức năm 2008	-	-	-	-	(9.435.846.720)	(9.435.846.720)
- Thù lao HĐQT, BKS năm 2008	-	-	-	-	(304.290.000)	(304.290.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(1.223.475.212)	(1.223.475.212)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm tài chính	-	(39.567.071)	-	-	-	(39.567.071)
- Tăng khác (***)	-	-	-	-	45.833.335	45.833.335
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>(39.567.071)</b>	<b>2.052.178.753</b>	-	<b>9.258.526.900</b>	<b>91.271.138.582</b>

(\*) Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong năm 2007. Công ty đã chuyển vào quỹ Đầu tư phát triển và đã chia cổ tức trong năm 2007.

(\*\*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm 2009 với số tiền là 671.475.212 đồng.

(\*\*\*) Đây là khoản điều chỉnh giảm chi phí khấu hao quyền sử dụng đất không thời hạn của năm 2008.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V.I THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>80.985.414.133</b>	<b>84.217.432.753</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	1.042.389.465	453.531.896
+ Doanh thu vận chuyển	44.998.741.988	55.956.934.014
+ Doanh thu dịch vụ lữ hành	24.262.604.478	23.837.648.216
+ Doanh thu đào tạo	3.190.419.264	3.453.444.073
+ Doanh thu khai thác dịch vụ xuất nhập khẩu	7.217.651.164	-
+ Doanh thu khác	273.607.774	515.874.554
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
+ Chiết khấu thương mại	472.760	13.600.000
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>80.984.941.373</b>	<b>84.203.832.753</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Giá vốn hàng hóa	930.079.524	376.423.191
- Giá vốn dịch vụ vận chuyển	30.423.667.388	46.519.061.483
- Giá vốn dịch vụ lữ hành	23.464.533.821	22.864.365.406
- Giá vốn dịch vụ đào tạo	2.696.172.230	3.077.328.897
- Giá vốn khai thác dịch vụ xuất nhập khẩu	5.631.579.344	-
- Giá vốn dịch vụ khác	413.063.927	324.056.485
<b>Cộng</b>	<b>63.559.096.234</b>	<b>73.161.235.463</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	578.917.308	1.237.170.000
- Lãi quá hạn (Công ty TNHH Thép Vinh Đa)	1.530.222.578	1.590.722.610
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	18.169.103
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	101.692.518	-
<b>Cộng</b>	<b>2.210.832.404</b>	<b>2.846.061.713</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V.I THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Lãi tiền vay	556.162.151	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	276.825.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	36.584.103
- Tiền lãi ký quỹ tài xế taxi	57.808.000	27.167.900
<b>Cộng</b>	<b>613.970.151</b>	<b>340.577.003</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	43.330.069.551	795.000.000
- Công ty TNHH Thép Vinh Đa (*)	1.500.000.000	6.452.000.000
- Công ty CP Kinh doanh & Phát triển nhà An Nghiệp Phát (**)	2.187.774.060	-
- Thu nhập khác	69.235.263	104.664.447
<b>Cộng</b>	<b>47.087.078.874</b>	<b>7.351.664.447</b>

(\*) Đây là khoản tiền hỗ trợ thiệt hại di dời bãi đậu xe 99C Phổ Quang theo Hợp đồng liên doanh ngày 28/04/2008 giữa Công ty và Công ty TNHH Thép Vinh Đa.

(\*\*) Đây là khoản thu nhập Công ty Cổ phần Kinh Doanh & Phát triển nhà An Nghiệp Phát phải chuyển trả cho Công ty theo Hợp đồng số 56/HĐHTĐT-2009 ngày 26/05/2009 của dự án đầu tư kinh doanh "Khu Du lịch - Dân Cư Bắc và Nam Bãi Trường, tỉnh Kiên Giang".

**6. Chi phí khác**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Thanh lý, nhượng bán tài sản	42.015.819.026	793.342.289
- Chi phí của dự án Phú Quốc (*)	550.244.486	5.350.000
- Chi phí khác	29.450.000	-
<b>Cộng</b>	<b>42.595.513.512</b>	<b>798.692.289</b>

(\*) Đây là chi phí ban đầu mà Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist đã đầu tư vào dự án kinh doanh "Khu Du lịch - Dân Cư Bắc và Nam Bãi Trường, tỉnh Kiên Giang" liên quan đến khoản thu nhập từ việc chuyển nhượng quyền đầu tư một phần dự án cho Công ty Cổ phần Kinh Doanh & Phát triển nhà An Nghiệp Phát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V.I THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.898.786.159	13.651.334.352
- Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	90.257.988	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	90.257.988	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	9.989.044.147	13.651.334.352
- Thu nhập chịu thuế suất 20%	3.257.196.381	-
- Thu nhập chịu thuế suất 25%	6.731.847.766	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 20%	651.439.276	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 25%	1.682.961.942	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành</b>	<b>2.334.401.218</b>	<b>556.350.729</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% trong năm 2009	325.719.638	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>2.008.681.580</b>	<b>556.350.729</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.890.104.579	12.286.200.917
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.890.104.579	12.286.200.917
- Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	6.384.655	3.999.414
- <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.236</b>	<b>3.072</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V.II NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>3.030.222.578</b>	-
- Công ty TNHH Thép Vinh Đa	3.030.222.578	-

**Số dư với các bên liên quan**

<b>Công ty TNHH Thép Vinh Đa</b>	<b>Tại 31/12/2009 VND</b>	<b>Tại 01/01/2009 VND</b>
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>10.433.465.270</b>	<b>12.497.964.329</b>
- Tiền đền bù di dời địa điểm 99C Phở Quang	5.322.580.480	6.452.000.000
- Tiền thuê đất Công ty đã trả hộ	409.409.850	-
- Tiền đền bù thiệt hại di dời của năm 2009	1.500.000.000	-
- Tiền điện nước trả hộ	25.288.033	-
- Chi phí quyền sử dụng đất Công ty còn phải thu lại	475.614.996	475.614.996
- Thu khoản chi hộ tiền khảo sát, quy hoạch mặt bằng dự án tại đại điểm 99C Phở Quang	100.000.000	-
- Lãi cho vay quá hạn	2.600.571.911	1.070.349.333
- Cho vay	-	4.500.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>4.000.000.000</b>	-
- Cho vay	4.000.000.000	-

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.



**Đình Quang Hiền**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2010

**Huỳnh Thanh Diễm Trang**  
**Kế toán trưởng**